

TRAO ĐỔI



Ý KIẾN

TÔN GIÁO VÀ CÔNG TÁC TÔN GIÁO VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ CÁC TỈNH TÂY BẮC

TRẦN TRUNG HIẾU

Ở nước ta, mỗi dân tộc đều có những sinh hoạt văn hoá, tôn giáo, tín ngưỡng riêng tạo nên nền văn hoá Việt Nam đa dạng, giàu bản sắc. Người Kinh có các hình thức tín ngưỡng dân gian như thờ cúng ông bà, tổ tiên, thờ thành hoàng... Đồng bào các dân tộc thiểu số thờ cúng các thần núi, thần sông, thần mưa, thần gió và nhiều vị thần khác với các hình thức tín ngưỡng sơ khai như tô tem giáo, bái vật giáo, sa man giáo...

Do những đặc điểm về vị trí địa lý và lịch sử nên nước ta chịu nhiều ảnh hưởng của các tôn giáo trên thế giới như Phật giáo, Lão giáo, Nho giáo, Ấn Độ giáo, Hồi giáo, Thiên Chúa giáo, Tin Lành, và cũng có một số tôn giáo khác phát sinh từ trong nước như Cao Đài, Hoà Hảo... Có tôn giáo hình thành từ rất lâu, có hệ thống giáo lý, giáo luật, lễ nghi và tổ chức giáo hội rộng khắp thế giới; có tôn giáo còn mang hình thức sơ khai, hoạt động chưa ổn định.

Với sự đa dạng của các loại hình tôn giáo, tín ngưỡng, số lượng người theo tôn giáo cũng khá đông, ước tính có 25% dân số nước ta đang sinh hoạt ở các tôn giáo ổn định và 80% dân số có đời sống tín ngưỡng, tôn giáo. Các tôn giáo xâm nhập vào vùng đồng bào các dân tộc nước ta có khác nhau

cả về thời gian cũng như từng dân tộc. Đồng bào Khơ-me ở Nam Bộ chủ yếu theo Phật giáo từ khoảng thế kỷ 13; người Chăm Nam Trung bộ chủ yếu theo Bà La Môn giáo từ khoảng thế kỷ IV và theo Hồi giáo từ khoảng thế kỷ X; đồng bào Ê-đê, Gia-rai ở Tây Nguyên, đồng bào Hmông, Dao... ở Tây Bắc chủ yếu theo Thiên Chúa giáo và Tin Lành từ thế kỷ XX.

1. Thực trạng tình hình tôn giáo ở các tỉnh Tây Bắc

a. Điều kiện tự nhiên và xã hội

Đồng bào các dân tộc thiểu số Tây Bắc nước ta cư trú trải rộng trên địa bàn rừng núi gồm các tỉnh: Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên, Yên Bái, Sơn La, Hoà Bình. Đây là vùng biên giới phen dậu phía Tây Bắc của Tổ quốc, tiếp giáp với các nước bạn Lào và Trung Quốc. Đây là vùng rừng núi địa hình hiểm trở, có những ngọn núi cao nhất nước như Phan Xi Phăng - 3.142m, Yam Phình - 3.096m, Phú Luông - 2.983m... và những cao nguyên rộng lớn như Mộc Châu, Tả Phình với những cánh đồng lòng chảo nổi tiếng: Mường Thanh, Mường Lò, Mường Tấc, Mường Than. Tây Bắc cũng là nơi đầu nguồn của những con sông lớn như sông Đà, sông Mã. Do địa hình núi cao lại bị chia cắt nên giao thông khó khăn, khí hậu thiên

nhien khắc nghiệt, vì vậy, nhìn chung toàn vùng kinh tế - xã hội phát triển chậm.

Cộng đồng các dân tộc thiểu số ở các tỉnh Tây Bắc có gần 40 dân tộc với trên 6 triệu người, trong đó có một số dân tộc đông dân như: Thái, Mường, Hmông, Dao, Hoa, Tày, Xinh-mun, Khơ-mú, Sán Chỉ...; có một số dân tộc chỉ dưới vài ngàn người như Cống, Bô Y, Cơ Lao, Mảng, Lô Lô... Do đặc điểm lịch sử xã hội, điều kiện tự nhiên, địa bàn cư trú của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Bắc có sự phân bố khác nhau nên đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào cũng không đồng đều. Các dân tộc cư trú ở những thung lũng thấp, vùng trung du có điều kiện sản xuất thuận lợi, kinh tế - xã hội phát triển hơn so với bộ phận đồng bào của trú ở vùng núi cao, vùng biên giới.

b. Vài nét về tình hình tôn giáo trong vùng đồng bào các dân tộc Tây Bắc

Như đã đề cập ở trên, cũng như cộng đồng các dân tộc ở Việt Nam, các dân tộc thiểu số Tây Bắc có nhiều tập tục sinh hoạt văn hoá tinh thần truyền thống khác nhau nhưng chủ yếu các hoạt động tín ngưỡng vẫn là thờ cúng tổ tiên, thờ thần núi, thần sông, thần mưa, thần gió... mang đậm nét văn hoá cư dân nông nghiệp nhằm cầu mong cho cuộc sống được bình yên, mưa thuận, gió hoà, mùa màng tươi tốt, bội thu.

Vào những năm giữa thế kỷ 20, thực dân Pháp bắt đầu các chiến dịch tấn công các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta nhằm mở rộng phạm vi thống trị và khai thác nguồn lợi của vùng rừng núi rộng lớn này. Chúng đã bị sự chống trả quyết liệt của đồng bào các dân tộc, với nhiều thủ lĩnh nổi tiếng như: Giàng Nừ Cừ Lau ở Mù Căng

Chải; Giàng Chấn Hùng ở Bắc Hà, Vừ Pa Chay ở Điện Biên... Trước những cuộc nổi dậy gây nhiều tổn thất ngày càng lớn, thực dân Pháp một mặt tăng cường đàn áp các thủ lĩnh và những người chống đối, mặt khác thực hiện truyền đạo để ru ngủ, hạn chế tinh thần đấu tranh của nhân dân các dân tộc và lợi dụng xây dựng các cơ sở chống phá cách mạng trong vùng.

Năm 1905, thực dân Pháp mới xây dựng được nhà thờ Thiên Chúa giáo bằng gỗ đầu tiên tại Sa Pa và Trạm Tấu. Đến năm 1936 đạo phát triển sang Sin Hồ và tới năm 1945, các tỉnh Tây Bắc có khoảng vài trăm hộ (có tài liệu ghi 240 hộ) đồng bào các dân tộc theo đạo. Năm 1975 khi đất nước thống nhất, Tây Bắc chỉ có số lượng không đáng kể số hộ đồng bào dân tộc thiểu số theo đạo Thiên Chúa.

Từ những thập kỷ cuối thế kỷ XX, một mặt do số lượng giáo dân tăng tự nhiên theo tăng dân số, mặt khác, chính sách di dân vùng kinh tế mới đã tạo điều kiện cho đồng bào từ miền xuôi lên miền núi, từ vùng này qua vùng khác làm ăn, sinh sống, kéo theo sự truyền bá các tôn giáo trong vùng.

Cũng trong thời gian này, đồng bào các dân tộc Tây Bắc trong đó chủ yếu là dân tộc Hmông chịu ảnh hưởng của các phong trào theo *Vàng Chứ*. Nhiều người dân Hmông ở Điện Biên, Lai Châu, Sơn La... tự cho mình là người của Vàng Chứ và tuyên truyền vua Vàng Chứ sắp xuất hiện để cứu thế những người trung thành với Vàng Chứ với những lời "sấm": "Năm 2000 trái đất sẽ nổ tung, nước ngập dâng tràn khắp nơi...". Mọi người sẽ bị diệt vong để thay thế vào đó là một loại người khác; ai theo Vàng Chứ thì mổ gà, mổ

lợn, mổ bò để chuẩn bị đón Vàng Chứ; tập bay để bay theo Vàng Chứ. Theo Vàng Chứ phải bỏ thờ cúng tổ tiên; không theo Vàng Chứ sẽ bị đói khổ, bị trừng trị... Vào những năm đầu thập kỷ 90 của thế kỷ 20 đạo Tin Lành xuất hiện ở vùng Tây Bắc, ban đầu thông qua các hệ thống tuyên truyền của các thế lực bên ngoài bằng tiếng Hmông như đài Manila (Philippin), đài Tiếng nói Hoa Kỳ (VOA). Sau đó, một số giáo sĩ vùng đồng bằng đã trực tiếp đến các vùng miền núi, dân tộc để tuyên truyền. Ban đầu họ giúp đỡ những người khó khăn bằng tiền, cho thuốc chữa bệnh, khéo léo vận dụng giáo lý phù hợp với những tâm lý của nhân dân như theo đạo thì được bỏ tục nộp bạc trắng khi cưới vợ, cưới chồng, người chết không phải mổ trâu cúng lễ tốn kém, học đạo được cấp Kinh thánh, được đi tham quan, du lịch... nên đồng bào rất dễ tin và theo ngày càng đông.

Từ những năm 1990 đến nay, tình hình tôn giáo trong vùng đồng bào các dân tộc Tây Bắc phát triển khá mạnh so với khoảng thời gian mấy chục năm trước, cả về số lượng tín đồ, phạm vi ảnh hưởng, hệ thống tổ chức giáo hội.

Theo báo cáo của các tỉnh, trong vùng đồng bào các dân tộc Tây Bắc hiện nay có 2 tôn giáo chính đang hoạt động có số lượng tín đồ đông là Thiên Chúa giáo và Tin Lành. Có trên 35.000 người theo Thiên Chúa giáo; trên 50.000 người Hmông, Dao và một số dân tộc khác theo Tin Lành.

Ở Lào Cai, mặc dầu thực dân Pháp truyền đạo Thiên Chúa giáo vào Sa Pa rất sớm: năm 1905 nhà thờ Tả Phình và Lao Chải đã được

xây dựng nhưng chỉ có một số rất ít đồng bào Hmông ở 2 xã Hầu Thào và Lao Chải theo đạo. Từ năm 1990 trở lại đây tình hình tôn giáo ở Lào Cai phát triển khá nhanh, đạo Thiên Chúa giáo tăng cường tuyên truyền, mở lớp học giáo lý. Nhiều họ đạo đã bỏ đạo từ lâu thì nay đã hoạt động trở lại. Tỉnh có 8 ban hành giáo và số lượng tín đồ là 5.700 người. Cũng trong thời gian này, đạo Tin Lành được hình thành và phát triển trên phạm vi 136 thôn bản, 45 xã thuộc 7 huyện với 11.002 người.

Tại Sơn La, năm 1986 Thào Bá Hụ cùng với 3 người khác là Sùng Bá Rế, Thào Pá Cho, Thào Bá Sáy xã Chiềng Cang huyện Sông Mã đến Trạm Tấu (Yên Bái) học đạo và về vận động được 16 hộ ở bản Ít Lót (xã Chiềng Cang, Sông Mã) theo đạo. Năm 1992, cũng bắt đầu từ huyện Sông Mã nhiều hộ Công giáo chuyển dân theo đạo Tin Lành và lan truyền đến các huyện Mai Sơn, Thuận Châu, Mường La. Đến năm 1993, Công giáo và Tin Lành đã có mặt trên phạm vi 5 huyện, 12 xã, 26 bản với 379 hộ, 2.055 khẩu (trong đó Tin Lành có 178 hộ, 987 khẩu; Công giáo - 201 hộ, 1018 khẩu). Đến năm 2000 con số này lên tới 7 huyện, 29 xã, 64 bản với 627 hộ, 3.984 khẩu và theo điều tra ngày 30/4/2006, đồng bào dân tộc tỉnh Sơn La có 726 hộ theo đạo, trong đó có 496 hộ, 3.301 khẩu theo đạo Tin Lành và 230 hộ, 1.426 khẩu theo Công giáo. Trong các hộ theo đạo Tin Lành vài năm gần đây có 2 hệ phái thuộc Hội thánh Tin Lành Việt Nam và Hội thánh Liên hữu Cơ Đốc.

Tỉnh Yên Bái đến nay có 5.418 người theo Công giáo, trong đó dân tộc Hmông có 5.109 người, dân tộc Dao - 29 người, dân tộc Tày - 108 người, dân tộc Thái - 107 người,

dân tộc Mường - 64 người và dân tộc Hoa - 01 người. Đạo Tin Lành mới bắt đầu phát triển từ năm 1990 và đến nay có 67 hộ, 393 khẩu theo đạo.

Ở tỉnh Điện Biên, tôn giáo bắt đầu xâm nhập vào địa bàn tỉnh từ năm 1987 trong phong trào theo Vàng Chứ, đến năm 1990 đã có 811 hộ với 5.361 người theo đạo. Đến nay, toàn tỉnh Điện Biên có 3 Hội thánh đang hoạt động: Hội thánh Tin Lành Việt Nam có tổ chức và giáo dân tại 5 huyện: Điện Biên, Điện Biên Đông, Tuần Giáo, Mường Chà, Mường Nhé ở 24 xã, 109 bản với 3.749 hộ, 22.022 khẩu theo đạo. Hội thánh liên hữu Cơ đốc miền Nam chủ yếu hoạt động ở huyện Điện Biên Đông tại các xã Pú Hồng, Phì Nhừ, Chiềng Sơ với 99 hộ, 837 khẩu. Hội thánh liên đoàn truyền giáo Phúc âm có 157 hộ, 1.179 khẩu thuộc 10 bản của 2 xã Pa Ham và Hừa Ngài thuộc huyện Mường Chà.

Hiện nay ở hầu hết các tỉnh vùng Tây Bắc, các tôn giáo đều đang ra sức phát triển ảnh hưởng của mình. Các nhóm giáo phái có xu hướng gia tăng: xin thành lập Hội thánh ở các cơ sở thôn bản và đề cử các trưởng Hội thánh... Một số Hội thánh được hỗ trợ nhiều về tài chính, đầu tư trang thiết bị như xe máy, máy ảnh, video... để tăng cường việc truyền đạo, đặc biệt là các Hội thánh mới phát triển sau như Hội thánh liên hữu Cơ đốc, Phúc âm Ngũ tuần... Các hội trưởng Hội thánh được trả lương và phụ cấp hàng tháng (khoảng 600.000 đồng). Những người có công vận động, lôi kéo được tín đồ cũng có thưởng. Các tôn giáo quan hệ mềm dẻo hơn với chính quyền cấp cơ sở, phối hợp chặt chẽ và thường xuyên hơn với chính quyền trong việc quản lý, vận động đồng bào thực hiện

nếp sống mới; quan tâm giúp đỡ những gia đình có khó khăn, gặp rủi ro do thiên tai, ốm đau, bệnh tật... Đồng bào các dân tộc vùng có tôn giáo ở Tây Bắc hầu hết đều chấp hành tốt những chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, tôn trọng pháp luật, đoàn kết xây dựng nếp sống mới, thực hiện "Tốt đời đẹp đạo", "Kính chúa, yêu nước". Tuy nhiên vẫn còn một số người vì lợi ích cá nhân, nghe theo kẻ xấu, truyền đạo trái phép, tuyên truyền xuyên tạc chính sách của Đảng và Nhà nước, gây mất ổn định tình hình an ninh chính trị trật tự xã hội thôn bản như: tuyên truyền "đạo Ty" ở Điện Biên, đạo B'hai, Long hoa Di Lạc ở Hoà Bình; nhiều trường hợp đạo "tự phong" hoạt động truyền giáo ngoài phạm vi cho phép của chính quyền.

2. Công tác tôn giáo ở các tỉnh Tây Bắc

Công tác tôn giáo là một nhiệm vụ quan trọng trong quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng và Nhà nước ta nhằm phát huy sức mạnh toàn dân tộc trong công cuộc bảo vệ, xây dựng đất nước; ngăn chặn những âm mưu lợi dụng tôn giáo chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. Ở mỗi thời kỳ cách mạng, Đảng ta luôn có những chính sách phù hợp, đúng đắn. Trong thời kỳ đất nước ta thực hiện chính sách Đổi mới, đặc biệt những năm gần đây, công tác tôn giáo ngày càng được quan tâm. Đảng, Nhà nước tiếp tục ban hành nhiều chủ trương, chính sách về tôn giáo và công tác tôn giáo. Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác tôn giáo, các địa phương vùng Tây Bắc đã xác định được trách nhiệm của mình nhằm tạo điều kiện cho nhân dân nói chung và đồng bào các dân tộc nói riêng thực hiện tốt quyền tự do tín ngưỡng và không tín

ngưỡng; ngăn chặn và hạn chế được những âm mưu lợi dụng tôn giáo để chia rẽ khối đại đoàn kết các dân tộc, chống phá thành quả của nhân dân các dân tộc trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

Hầu hết các tỉnh đều có cơ quan tham mưu về công tác tôn giáo, có tỉnh thành lập Ban Dân tộc Tôn giáo (Yên Bái), có tỉnh thành lập phòng thuộc Ban Dân tộc (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La...). Các cơ quan chuyên môn đã giúp Tỉnh uỷ, UBND tỉnh triển khai, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý Nhà nước về công tác tôn giáo.

Cấp ủy các địa phương đã thường xuyên tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các văn bản về công tác tôn giáo như Chỉ thị 37/CT-TW về công tác tôn giáo trong tình hình mới, Nghị quyết số 25/NQ-TW của Hội nghị BCHTW lần thứ 7 Khoá IX về công tác tôn giáo, Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo... Nhiều địa phương đã ban hành các chỉ thị, kế hoạch, chương trình hành động, hướng dẫn... thực hiện các chủ trương của Đảng và Nhà nước về công tác tôn giáo (Quyết định 219/QĐ-TU của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Điện Biên; Chỉ thị 25/CT-UBND của tỉnh Yên Bái; Chương trình hành động 25/CTr-HĐ-TU của Tỉnh uỷ Yên Bái; Chỉ thị 20-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Sơn La, Kế hoạch 88-KH/TU của Tỉnh uỷ Sơn La...).

Các địa phương trên đã định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá việc triển khai thực hiện công tác tôn giáo để rút ra những kết quả và hạn chế, đề ra chương trình, kế hoạch phù hợp cho thời gian tới. Mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng về công tác tôn giáo cho đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác

tôn giáo ở các ban ngành, mặt trận, đoàn thể ở tỉnh, huyện và cơ sở. Tổ chức các cuộc gặp mặt, làm việc với các chức sắc của giáo hội, giáo sĩ, tu sĩ ở địa phương, tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau để cùng thực hiện tốt chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước. Giải quyết kịp thời những đề nghị, kiến nghị chính đáng của các tổ chức, cá nhân tín đồ, chức sắc tôn giáo, tăng cường mối quan hệ đoàn kết giữa người theo đạo và không theo đạo, hạn chế những mâu thuẫn phát sinh trong nội bộ tôn giáo cũng như trong đạo với ngoài đạo. Thường xuyên chủ động nắm chắc các diễn biến tình hình lợi dụng tôn giáo, hoạt động truyền đạo trái phép, truyền bá các tài liệu, băng hình, ấn phẩm có nội dung không lành mạnh, đi ngược lại các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước của một số phần tử xấu bị lợi dụng, kích động để kịp thời ngăn chặn, xử lý hạn chế những tác hại, ảnh hưởng đến khối đại đoàn kết toàn dân, ảnh hưởng đến an ninh, trật tự an toàn xã hội.

Bên cạnh đó, các địa phương cũng đã tăng cường củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở; phát huy vai trò tự quản của thôn, bản, khu dân cư, dòng họ; kết hợp giữa quản lý Nhà nước với công tác dân vận, thông qua các phong trào quần chúng đẩy mạnh các hoạt động văn hoá, giữ gìn bản sắc văn hoá truyền thống tốt đẹp của dân tộc; tích cực đấu tranh, xoá bỏ những hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan, xây dựng cuộc sống mới lành mạnh.

Tuy nhiên, công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo ở các địa phương vùng Tây Bắc vẫn còn hạn chế cần khắc phục; nhiều nơi, nhiều lúc còn buông lỏng quản lý, chậm trễ trong

việc nắm bắt, xử lý tình hình để xảy ra những vụ việc mất đoàn kết giữa người theo tôn giáo và không theo tôn giáo. Một số phần tử xấu lén lút truyền đạo trái phép, tuyên truyền xuyên tạc về chính sách tôn giáo của Đảng... Chưa thường xuyên, kịp thời gặp gỡ chức sắc, đại diện các tổ chức tôn giáo thông qua đó tạo mối quan hệ tốt trong việc phối hợp giáo dục, đấu tranh với những việc làm sai trái lợi dụng tôn giáo. Tôn giáo ở một số nơi trong vùng Tây Bắc phát triển không bình thường.

3. Nhận xét, đánh giá

Ở Tây Bắc có khoảng 0,25% dân số các dân tộc theo các tôn giáo và chủ yếu là theo đạo Tin Lành và Thiên Chúa. Đạo Thiên Chúa xâm nhập vào vùng Tây Bắc sớm hơn nhưng mức độ phát triển chậm và ổn định hơn đạo Tin Lành. Nếu nói rằng trước năm 1975 là thời kỳ hoàng kim của đạo Tin Lành ở các tỉnh miền Nam nước ta thì từ sau năm 1990 trở lại đây là thời kỳ đạo Tin Lành phát triển mạnh ở các tỉnh Tây Bắc. Đạo Tin Lành phát triển nhanh, nhiều hệ phái, số lượng tín đồ lớn và tổ chức hoạt động ngày càng chặt chẽ.

Những người theo đạo chủ yếu là những nông dân lao động chất phác, gia nhập đạo chỉ vì những lợi ích hoặc nhu cầu nhỏ nào đó của bản thân và gia đình. Tôn giáo phát triển trong vùng đồng bào các dân tộc đã gây ảnh hưởng, xáo trộn đến một số hoạt động sản xuất, sinh hoạt văn hoá truyền thống của đồng bào các dân tộc. Các hộ gia đình theo các tôn giáo đã từ bỏ việc thờ cúng tổ tiên, ông bà, những người có công với cộng đồng và một số hoạt động văn hoá truyền thống tốt

đẹp khác; phá ngô lúa, hoa màu, giết mổ gia súc, gia cầm để chuẩn bị đón chúa; ăn uống hết những gì đang có để chuẩn bị sang thế giới bên kia...

Tôn giáo vùng đồng bào các dân tộc bị một số phần tử xấu lợi dụng gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, ảnh hưởng đến chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước; gây mâu thuẫn giữa những người trong cùng tộc họ, cùng gia đình, không theo đạo và theo đạo.

Bên cạnh đó, tôn giáo cũng góp phần vào phong trào xây dựng nông thôn, làng bản, nếp sống văn hoá mới ở nông thôn. Những người theo Thiên Chúa giáo và Tin Lành đã từ bỏ được nhiều hủ tục ma chay, cúng kính tốn kém, nhiều tập tục mê tín dị đoan ảnh hưởng xấu đến sản xuất và đời sống của đồng bào. Đồng bào có đạo ốm đau bệnh tật đều dùng thuốc, tìm đến bác sĩ để khám bệnh; không cúng, chỉ cầu nguyện chúa; thanh thiếu niên ít nghiện hút, cờ bạc, trộm cắp; tỷ lệ bỏ chồng, bỏ vợ, vi phạm luật hôn nhân, gia đình thấp... vì đây là những điều cấm trong giáo luật. Nhiều gia đình theo tôn giáo đã coi trọng việc học hành của con cái, tạo điều kiện cho con cái học tập, tiếp thu những tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất và đời sống, chấp hành các chủ trương chính sách phát triển sản xuất và đời sống ở địa phương. Trong các vùng theo đạo, các gia đình đều có tình cảm và trách nhiệm quan tâm đến nhau, đùm bọc nhau nhiều hơn khi ốm đau bệnh tật, hiếu hi; chia sẻ những buồn vui trong cuộc sống nên đồng bào nâng cao được tính cộng đồng. Các cơ sở tôn giáo, các hộ đạo quản lý giáo dân tương đối chặt chẽ; có nhiều hoạt động phối hợp tốt với

chính quyền trong việc xây dựng đời sống văn hoá, quản lý cộng đồng dân cư.

4. Nguyên nhân phát triển của tôn giáo

Các tôn giáo phát triển ngày càng nhiều ở các vùng đồng bào dân tộc thiểu số Tây Bắc chủ yếu do các nguyên nhân:

- Từ sau giải phóng miền Nam, đặc biệt là trong thời kỳ đất nước ta thực hiện chính sách Đổi mới, quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng của nhân dân nói chung và đồng bào các dân tộc nói riêng luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm, tạo điều kiện nhiều hơn với nhiều chủ trương, chính sách nhất quán, thực hiện bình đẳng, đoàn kết giữa người theo đạo và người không theo đạo.

- Chính sách dân tộc, chính sách di dân nhằm tạo điều kiện cho đồng bào các dân tộc phát triển kinh - xã hội nâng cao mức sống về mọi mặt cũng tạo cơ hội để đồng bào tiếp cận với nhiều tư tưởng, nhiều tôn giáo.

- Mặt bằng kinh tế dân sinh của đồng bào các dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc so với vùng đồng bằng thành thị còn có khoảng cách khá xa; trong nền kinh tế thị trường hiện nay, khoảng cách này ngày càng thấy rõ. Nhu cầu mọi mặt về ăn, ở, mặc, học hành, đi lại, giao lưu sinh hoạt văn hoá... của đồng bào ngày một cao, đòi hỏi một nền kinh tế có thu nhập tương xứng nhưng thực tế chưa thể đáp ứng được và từ đó đồng bào dễ dàng tin vào những lực lượng siêu nhiên, khi được nghe những lời hứa hẹn đường mật của những người truyền giáo.

- Các tôn giáo đã có đầu tư nghiên cứu khá kỹ về phong tục, tập quán và những nhu cầu thiết thực của đồng bào các dân tộc trước khi thực hiện việc truyền giáo.

Thiên Chúa giáo cũng như Tin Lành đã biết đơn giản hoá các sinh hoạt tôn giáo như đọc kinh thánh, lễ nghi... để đồng bào dễ nhớ, dễ làm. Việc truyền đạo được thực hiện trên nhiều phương tiện thông tin hiện đại như sách, báo, đài, băng tiếng, băng hình, video, các chương trình dự án phát triển cộng đồng, hoạt động từ thiện, thăm viếng, biếu tặng quà... Gắn sinh hoạt tôn giáo với các lợi ích thường nhật của mỗi người, mỗi gia đình, như: tiết kiệm chi tiêu trong cúng kính, không nghiện ngập, giữ gìn hạnh phúc gia đình, vai trò của phụ nữ trong gia đình được đề cao... Những cải tiến này của tôn giáo vừa phù hợp với sự phát triển trong xã hội hiện đại, vừa phù hợp với tâm lý của đồng bào khi mà thực tế đời sống còn muôn vàn khó khăn, các sinh hoạt tín ngưỡng truyền thống đang tồn tại với nhiều lễ nghi rườm rà, tốn kém, khát khe, kìm hãm tự do của mỗi người.

- Vai trò của chính quyền, công tác dân vận, mặt trận và các đoàn thể ở một số địa phương chưa thực sự đủ mạnh. Đội ngũ làm công tác tôn giáo hiện nay ở cấp cơ sở chủ yếu là kiêm nhiệm, hoạt động theo kinh nghiệm, hạn chế về chuyên môn. Cải tiến phong tục tập quán bài trừ các tệ nạn xã hội, thực hiện hôn nhân một vợ một chồng là những chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, đã được tuyên truyền và vận động giáo dục trong đồng bào rất thường xuyên nhưng hiệu quả không cao do chúng ta chưa thực sự nắm bắt và chia sẻ được tâm tư, tình cảm nguyện vọng chính đáng của một bộ phận nhân dân. Chưa khơi dậy và phát huy hết trách nhiệm, ý thức bảo tồn, phát huy và phát triển những nét đẹp văn hoá truyền thống lâu đời của đồng bào.

- Tình trạng tham nhũng, lãng phí, cửa quyền, ít quan tâm đến lợi ích quần chúng

nhân dân của một bộ phận cán bộ, công chức chính quyền ở cơ sở trong vùng đồng bào các dân tộc thiểu số làm giảm lòng tin của đồng bào cũng là một trong những nguyên nhân để tôn giáo lợi dụng phát triển.

5. Một số dự báo và kiến nghị

a. Một số dự báo

Sinh hoạt tôn giáo là nhu cầu của một bộ phận nhân dân. Đảng và Nhà nước ta luôn có quan điểm, đường lối nhất quán và đúng đắn về tôn giáo và công tác tôn giáo.

Trong tình hình kinh tế thị trường và toàn cầu hoá hiện nay, cùng với nhiều chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội miền núi vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số sẽ có tác động đến tình hình phát triển tôn giáo nói chung và trong vùng đồng bào các dân tộc thiểu số nói riêng.

Hệ thống tổ chức các tôn giáo trên thế giới (trong đó có Thiên Chúa giáo và Tin Lành) đang ngày càng mở rộng phạm vi ảnh hưởng bằng nhiều hình thức. Để đạt được mục tiêu đó, các tổ chức tôn giáo hết sức cố gắng, một mặt tăng cường các mối quan hệ thân thiện với các nước, các vùng lãnh thổ, cải tiến các nghi thức, giáo lý, để ngày càng thích nghi với sự phát triển của thời đại; mặt khác tận dụng các hình thức giúp đỡ về kinh tế, tâm lý tình cảm, gắn đạo với đời của từng vùng, miền, từng dân tộc để thu phục giáo dân. Những năm gần đây, các tôn giáo cũng đã thấy sự ưu việt tự do tôn giáo của chúng ta là chính sách nhất quán.

Chính sách tự do tôn giáo, chính sách dân tộc nhằm thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển kinh tế - xã hội vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số của Đảng và Nhà nước ta ngày càng có hiệu quả. Đời sống đồng bào các dân tộc Tây Bắc đang ngày

càng được thay đổi tích cực; mối quan hệ giao lưu giữa các vùng miền ngày càng thuận lợi; đồng bào tiếp cận được với nhiều hoạt động tôn giáo tín ngưỡng hơn trong điều kiện những tín ngưỡng truyền thống tỏ ra không còn thích ứng với những sinh hoạt hiện đại. Vì thế, đồng bào dễ từ bỏ để chọn cho mình một hình thức sinh hoạt tôn giáo khác thực dụng hơn.

Qua những yếu tố trên đây, có thể nhận định rằng thời gian tới, các tôn giáo, đặc biệt là Tin Lành và Thiên Chúa giáo sẽ tiếp tục phát triển trong vùng đồng bào các dân tộc nói chung và vùng Tây Bắc nói riêng.

b. Kiến nghị

Để tôn giáo trong vùng đồng bào các dân tộc Tây Bắc phát triển một cách bình thường, trước hết chúng ta cần nhận thức đầy đủ và đúng đắn quan điểm, đường lối, chủ trương và chính sách của Đảng và Nhà nước ta về vấn đề tôn giáo và có các giải pháp phù hợp trong tình hình hiện nay.

- Về quan điểm

Trong quá trình lãnh đạo các cuộc cách mạng giải phóng dân tộc và thống nhất Tổ quốc, Đảng ta luôn có quan điểm rõ ràng về tín ngưỡng, tôn giáo. Kế tục quan điểm của những thời kỳ cách mạng trước đây, Hiến pháp năm 1992 nêu rõ: "Công dân có quyền tự do, tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật. Những nơi thờ tự của các tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ. Không ai được xâm phạm tự do, tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước". Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành TW Đảng lần thứ VII, khoá IX về công tác tôn giáo (ngày 12/03/2003 số 25-NQ/TU)

khẳng định: “Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật”. Ngày 18/6/2004 Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá XI thông qua Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo và Chủ tịch nước đã ký Lệnh công bố ngày 26/6/2004. Sau Sắc lệnh về tôn giáo năm 1955 của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đây là văn bản quy phạm pháp luật cụ thể hoá chính sách của Đảng có giá trị pháp lý cao nhất điều chỉnh các hoạt động trong lĩnh vực tôn giáo, tín ngưỡng từ trước đến nay. Pháp lệnh nêu rõ: “Người dân được tự do bày tỏ đức tin tôn giáo của mình, được thực hành các nghi thức thờ cúng, cầu nguyện và tham gia các hình thức sinh hoạt phục vụ lễ nghi tôn giáo, học tập giáo lý, đạo đức tôn giáo, tín đồ đều bình đẳng trước pháp luật, đều được hưởng mọi quyền công dân và có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ công dân”.

- Các giải pháp

Từ tình hình thực tế tôn giáo hiện nay tại các tỉnh Tây Bắc, nhằm thực hiện tốt chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác tôn giáo, cần có các giải pháp tổng thể cả về phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng và củng cố hệ thống chính trị cơ sở.

Tiếp tục tổ chức quán triệt sâu rộng trong quần chúng nhân dân các dân tộc Nghị quyết Số 25-NQ/TU của Hội nghị Ban chấp hành TW Đảng lần thứ VII, khoá IX ngày 12/03/2003 về công tác tôn giáo, Pháp lệnh

Tín ngưỡng tôn giáo; Chỉ thị 01-CT/TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số công tác đối với đạo Tin Lành.

Kiện toàn tổ chức làm công tác tôn giáo ở các địa phương đủ sức giúp cho cấp uỷ, chính quyền chỉ đạo tốt công tác tôn giáo; có chính sách khuyến khích phù hợp với cán bộ làm công tác tôn giáo ở cơ sở.

Phối hợp, triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào các tỉnh Tây Bắc như: Chương trình 135, Chương trình 134,... tạo mọi điều kiện thuận lợi cho đồng bào phát triển sản xuất nâng cao mức sống mọi mặt một cách bền vững.

Từng bước nâng cao dân trí, phát triển hệ thống giáo dục, y tế bảo đảm tốt nhu cầu đến trường, khám và chữa các loại bệnh thông thường cho đồng bào các dân tộc. Xây dựng nếp sống văn hoá ở cơ sở, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu hưởng thụ văn hoá và giao lưu văn hoá của đồng bào các dân tộc; nâng cao ý thức tôn trọng, gìn giữ và phát huy vốn văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc.

Tăng cường củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở. Có quy hoạch và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể quần chúng tại chỗ vùng đồng bào các dân tộc đủ mạnh cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng tốt yêu cầu phát triển chung của địa phương và đất nước trong tình hình mới.

Bảo đảm tốt tình hình an ninh, chính trị, trật tự xã hội trong vùng đồng bào các dân tộc; kịp thời nắm bắt phát hiện và xử lý kịp thời, dứt điểm những âm mưu lợi dụng tôn giáo gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, làm ảnh hưởng đến an ninh chính trị trật tự xã hội trong vùng đồng bào các dân tộc.